

Số /TB-BVSN

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

V/v mời báo giá gói thầu: “Mua sắm, nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin giai đoạn 1 triển khai Bệnh án điện tử hướng tới bệnh viện thông minh”

Kính gửi: Các Quý Công ty/đơn vị cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội khóa XIII;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-BVSN ngày 25 /04/2023 của Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi Bắc Giang về việc phê duyệt danh mục gói thầu: “Mua sắm, nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin giai đoạn 1 triển khai Bệnh án điện tử hướng tới bệnh viện thông minh”.

Bệnh viện Sản – Nhi Bắc Giang kính đề nghị các công ty/đơn vị cung cấp có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật, đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá theo các nội dung sau:

1. Danh mục hàng hóa mua sắm chi tiết tại phụ lục 01.

2. Các công ty/đơn vị quan tâm gửi bản báo giá theo mẫu tại phụ lục 02 để bệnh viện có căn cứ xây dựng dự toán mua sắm.

3. Báo giá có hiệu lực ít nhất 90 ngày kể từ ngày báo giá.

Địa điểm nhận báo giá bản gốc: Phòng Hành chính quản trị, bệnh viện Sản - Nhi Bắc Giang, đường Lê Lợi, phường Dĩnh Kế, Tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: 0983390827 (Đ/c: Hà Ngọc Thu – TP Hành chính quản trị)

Thời gian nhận báo giá: đến hết 16 giờ 30 phút ngày 10/05/2023.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT, HCQT, KTTC

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Như Phở

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC GÓI THẦU

(Kèm theo Thông báo số /TB-BVSN ngày tháng năm 2023)

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Tủ rack 15U chiều sâu D600	- Kích thước (HxWxD): H830 x W600 x D600mm - Tiêu chuẩn lắp thiết bị: 19 inches - Số U trên rack: 15U (theo tiêu chuẩn EIA-310-D) + Hệ thống 04 bánh xe, 04 chân tăng điều chỉnh + Hệ thống quạt thông gió. - Vật liệu: Thép CT38 (TCVN 1765-75) sơn tĩnh điện với độ dày: đế, nóc dày 1,2 mm; cánh trước sau dày 1,2 mm; khung tủ, thanh tiêu chuẩn dày 1,5 mm; tấm hông dày 1,2 mm. - Màu sắc: sơn tĩnh điện Màu đen - Cấu trúc: Tự đứng, cửa mở một bên, cửa chất liệu thép: 1 cánh trước cửa lưới, 1 cánh sau dạng ô thoáng, vị trí đi dây cáp ở đáy tủ. - Phụ kiện đi kèm + 01 quạt tản nhiệt 120x120 AC + 01 ổ điện 19", 06 ổ cắm 3 chấu chuẩn đa dụng, MCB 2P 32A 4.5-6kA - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Cái	1
2	Tủ rack 10U chiều sâu D600	- Kích thước (HxWxD): H550 x W600 x D600mm - Tiêu chuẩn lắp thiết bị: 19 inches - Số U trên rack: 10U (theo tiêu chuẩn EIA-310-D) + Hệ thống 04 bánh xe, 04 chân tăng điều chỉnh + Hệ thống quạt thông gió. - Vật liệu: Thép CT38 (TCVN 1765-75) sơn tĩnh điện với độ dày: đế, nóc dày 1,2 mm; cánh trước sau dày 1,2 mm; khung tủ, thanh tiêu chuẩn dày 1,5 mm; tấm hông dày 1,2 mm. - Màu sắc: sơn tĩnh điện Màu đen - Cấu trúc: Tự đứng, cửa mở một bên, cửa chất liệu thép: 1 cánh trước cửa lưới, 1 cánh sau dạng ô thoáng, vị trí đi dây cáp ở đáy tủ. - Phụ kiện đi kèm + 01 quạt tản nhiệt 120x120 AC + 01 ổ điện 19", 06 ổ cắm 3 chấu chuẩn đa dụng, MCB 2P 32A 4.5-6kA - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Cái	6

3	UPS 6KVA	- Công suất 6000VA/5400W - Tần số 46Hz ~ 54Hz hoặc 56Hz ~ 64Hz - Đầu vào: 208/220/230/240VAC - Đầu ra: 208/220/230/240VAC - Thời gian sạc đầy: 9 giờ cho 90% dung lượng pin - Màn hình LCD hiển thị: Load level, Battery level, AC mode, Battery mode, Bypass mode, and Fault indicators - Cổng kết nối: RS 232/USB - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Bộ	1
4	Switch Accesss 24 cổng RJ45 + 2 cổng SFP	- Quản lý: Web GUI: HTTPs; RMON SNMP - 24 cổng x 10/100/1000 RJ45 + 2 cổng 100/1000X SFP Dedicated - Băng thông: 52 Gbps - Packet buffer/ACL Rules/Jumbo Frames: 2Mb/100 shared/Up to 9K packet size - MAC/VLAN/Multicast Group: 16K/256/512 - Tính năng: Layer2+, 32 Static Routing IPv4 - Dạng gắn rack 1U - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Bộ	22
5	Core switch Layer 3 12 cổng 1G/10G SFP+ 12 cổng 100/1G/10G RJ45	- CPU/RAM/FLASH: CPU 800 Mhz/1GB RAM/256MB Flash - 12 cổng 100/1G/10G RJ45 + 12 cổng 1G/10G SFP+ - Stacking: Hot-swap stacking lên đến 8 thiết bị - Băng thông/ Chuyển mạch: 480 Gbps/357 Mpps - MAC/ARP Table/IP Multicast Forwarding Entries/IGMP: 16K/888/96 IPv4, 32 IPv6/2K IPv4, 2K IPv6 - VLAN/ACLs/Packet Buffer/Jumbo Frames: 4K/100/32Mb/Up to 9KB packet size - Application Route Scaling: Static: 64 v4/64 v6, RIP: 512, OSPF: 512 - Tính năng Layer-3: IPv4/IPv6 Static Routing, IPv4: RIP, VRRP IPv4/IPv6: OSPF, Proxy ARP, PIM-SM, PIM-DM, 6-to-4 tunnels - Dạng gắn rack: Half-width 1-unit 1U, 2-unit 1U rack mount - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Cái	2
6	Core switch Layer 3 24 cổng quang SFP+	- CPU/RAM/FLASH: CPU 800 Mhz/1GB RAM/256MB Flash - 2x 100/1G/10G RJ45 (shared) + 24x 1G/10G SFP+ - Stacking: Hot-swap lên đến 8 thiết bị - Băng thông/ Chuyển mạch: 480 Gbps/357 Mpps - MAC/ARP Table/IP Multicast Forwarding	Bộ	1

		Entries/IGMP: 16K/888/96 IPv4, 32 IPv6/2K IPv4, 2K IPv6 - VLAN/ACLs/Packet Buffer/Jumbo Frames: 4K/100/32Mb/Up to 9KB packet size - Application Route Scaling: Static: 64 v4/64 v6, RIP: 512, OSPF: 512 - Tính năng Layer-3: IPv4/IPv6 Static Routing, IPv4: RIP, VRRP; IPv4/IPv6: OSPF, Proxy ARP, PIM-SM, PIM-DM, 6-to-4 tunnels - PSU Modular: 1 bay, 1 included: APS250W - Dạng gắn rack: Half-width 1-unit 1U, 2-unit 1U rack mount - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.		
7	Thiết bị tường lửa (Firewall) kết hợp định tuyến (Router)	- Thiết bị Firewall kết hợp định tuyến bao gồm 08 cổng đồng GbE (gồm 2 cặp bypass), 2 cổng SFP GbE và 2 cổng SFP+ 10 GbE (chưa bao gồm module quang) - Lưu trữ: tích hợp ổ SSD 240GB SATA III - Cổng giao tiếp: 02 x USB 3.0; 1 x USB 2.0; 1 x Micro USB; 1 x COM RJ45; 1 x RJ45 MGMT - Hiện thị: mô-đun LDC đa chức năng - Thông lượng tường lửa: 47.000 Mbps - Thông lượng tường lửa IMIX: 23.500 Mbps - Thông lượng VPN: 25.000 Mbps - Thông lượng IPS: 10.500 Mbps - Thông lượng Threat Protection: 2.000 Mbps - Số lượng kết nối đồng thời: 12.260.000 - Số lượng kết nối mới/giây: 186.500 - Form factor: 1U dạng gắn rack - Nhiệt độ hoạt động: 0-40°C - Nguồn điện: 100-240VAC, 50-60Hz - Lisence: Network Protection, Web Protection and Enhanced Support 1 năm. - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Bộ	1
8	Module quang MM 1GB	- Mô-đun quang multimode (MM) SFP 1G - Chuẩn kết nối LC - Tốc độ dữ liệu tối đa: 1000 Mbps - Khoảng cách truyền tối đa 1000m với cáp quang multimode OM4 50/125µm - Khoảng cách truyền tối đa 550m với cáp quang multimode OM3 50/125µm - Khoảng cách truyền tối đa 275m với cáp quang multimode OM3 62.5/125µm - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Cái	44

9	Module quang MM 10GB SFP+	- Mo-đun quang multimode (MM) SFP+ 10G - Chuẩn kết nối LC Duplex - Tốc độ dữ liệu tối đa: 10 Gigabit Ethernet - Khoảng cách truyền tối đa 550m với cáp quang multimode OM4 50/125µm - Khoảng cách truyền tối đa 300m với cáp quang multimode OM3 50/125µm - Khoảng cách truyền tối đa 33m với cáp quang multimode OM2/OM1 - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Cái	4
10	ODF Multimode 4 cổng, đầy đủ phụ kiện	- Hộp phối quang 4 cổng multimode thiết kế tiêu chuẩn rack 19 inch - Khe đi cáp được thiết kế cả 2 bên thuận tiện cho việc quản lý cáp - Các chuẩn kết nối SC simplex, LC duplex, FC và ST. - Độ dày vỏ thép 1mm - Dây quang kết nối chuẩn OM3 50/125 um - Adapter kết nối tiêu chuẩn TIA/EIA 568.3-D - Độ suy hao ≤ 0.3 dB - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Cái	15
11	ODF Multimode 24 cổng, đầy đủ phụ kiện	- Hộp phối quang 24 cổng multimode thiết kế tiêu chuẩn rack 19 inch - Khe đi cáp được thiết kế cả 2 bên thuận tiện cho việc quản lý cáp - Các chuẩn kết nối SC simplex, LC duplex, FC và ST. - Độ dày vỏ thép 1mm - Dây quang kết nối chuẩn OM3 50/125 um - Adapter kết nối tiêu chuẩn TIA/EIA 568.3-D - Độ suy hao ≤ 0.3 dB - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Bộ	2
12	Patch Panel 24 cổng Cat 6	- Patch Panel 24 cổng chuẩn CAT6 - Đạt tiêu chuẩn ANSI/TIA-568.2-D category 6, ISO/IEC 11801-1 và EN50173-1. - Độ dày panel 1.5mm - IDC connector: tuổi thọ tối thiểu 250 lần kẹp dây, vật liệu: ni-ken mạ thiếc - Giắc kết nối RJ45: tuổi thọ tối thiểu 750 lần cắm, vật liệu: ni-ken mạ lớp vàng dày 50µ - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Bộ	22

13	Dây nhảy quang 3m, MM	- Loại multimode chuẩn OM3 - Nhiều chủng loại đầu nối: Chuẩn SC, FC, LC, ST - Chiều dài: 3m - Độ suy hao ≤ 0.3 dB - RL ≥ 35 dB - Độ bền cao, dễ thao tác - Nhiệt độ hoạt động: -20~60 o C - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Sợi	46
14	Dây nhảy Cat6 dài 2m	- Chiều dài 2m - Đầu cắm RJ45 mạ vàng dày 50μ. - Phù hợp tiêu chuẩn ANSI/TIA 568-C.2.2011; ISO/IEC 11801 Class E:2011; CENELEC EN 50173-1:2011; CENELEC EN 50288-6-2:2013; IEC 61935-2:2010 (Edition 3.0); IEC 61156-6:2012 - Lõi cáp đồng độ dày 24AWG - Lớp vỏ dày 5.8 $\pm$ 2mm - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Sợi	247
15	Kios thông tin màn hình 43 inch	+ Màn hình tra cứu thông tin - Kích thước: 43 inches LED Backlit - Độ phân giải 1920x1080; - Tỷ lệ 16:9; - Độ tương phản 10.000:1; - Độ sáng: 350cd/m2; - Cảm ứng điện dung đa điểm CAP-Multitouch (lên tới 10 điểm). + Cấu hình - Bộ vi xử lý: Bộ xử lý Intel® Core™ i5-10400 Processor (12M Cache, 2.9 GHz up to 4.30 GHz) - Memory: 8GB DDR4 - Lưu trữ: 120GB SSD - Tích hợp sẵn máy in nhiệt loại 80mm - Tích hợp sẵn máy quét mã vạch tiêu chuẩn 2D: Đọc các loại mã vạch 1D, 2D, thẻ BHYT. Đọc được thẻ CCCD tiếng Việt có dấu. - Cổng giao tiếp: HDMI, USB, LAN, power switch, power input. - Tích hợp sẵn 02 Loa 5W - Nguồn điện đầu vào: AC 110 - 220V 50 / 60Hz 110W - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Bộ	3

16	Âm ly kèm bộ trộn 150W	- Công suất ngõ ra: 150 W at 100V - Đáp tuyến tần số: 40 Hz - 20 kHz - Độ nhạy ngõ vào: MIC 1: 6.3 mm Phone socket, 0 dB/-60 dB, 600Ω cân bằng (với chức năng tắt tiếng được kích hoạt bằng giọng nói và công tắc ngắt nguồn ảo) - MIC 2 - 4: 6.3 mm Phone socket, 0 dB/-60 dB, 600Ω cân bằng (công tắc ngắt nguồn ảo) - AUX: đầu kết nối RCA, -20 dB 10kΩ đầu vào stereo - REC OUT: đầu kết nối RCA, 0 dB 600Ω đầu ra stereo không cân bằng - Cấp nguồn: 220 ~ 240 Vac, 50Hz, 210W or 24 Vdc - Dây cáp âm thanh đầu 3.5mm ra 2 RCA - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Bộ	2
17	Loa hộp gắn tường 30W	- Ngõ vào định mức: 100 V : 30 W (30 - 15 - 7.5 W) / 70 V : 15 W (15 - 7.5 - 3.8 W) - Công suất tối đa: 45W - Trở kháng định mức: 330 Ω (330 - 670 - 1330 Ω) - Độ nhạy (1 W / rated at 1m): 90 / 105 dB - Góc phủ: 90 x 90° - Đáp tuyến tần số: 40 Hz ~ 20 kHz - Thành phần loa: LF : Loa toàn dải Dynamic 1 no. 120 mm , HF : Loa Tweeter 25 mm - Chuẩn an toàn: Acc. to EN 60065 - IP 65 (acc. to IEC 529) - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Cái	8
18	Màn hình tivi 55 inch	- Màn hình LED kích thước hiển thị 55 inch. - Độ phân giải 4K UltraHD (3840x2160 pixels) - Cổng kết nối: HDMI, USB, Optical (Digital Audio Out) - Kết nối Wifi, Ethernet (LAN) - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Cái	3
19	Màn hình tivi 43 inch	- Màn hình LED kích thước hiển thị 43 inch. - Độ phân giải 4K UltraHD (3840x2160 pixels) - Cổng kết nối: HDMI, USB, Optical (Digital Audio Out) - Kết nối Wifi, Ethernet (LAN) - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành thiết bị: ≥ 12 tháng.	Cái	3

20	Cáp mạng UTP CAT6	- Cáp mạng tiêu chuẩn Cat.6 - Vỏ PVC - Kháng trở (Impedance): $100 \pm 15\% \Omega$ - Suy hao (Insertion Loss) $\leq 1.808 \cdot \sqrt{\text{freq}} + 0.017 \cdot \text{freq} + 0.20/\sqrt{\text{freq}}$, $1 \sim 250 \text{ MHz}$ - Suy hao phản hồi (Return loss) $25 \text{ dB}/100\text{m}$ ($10 \leq f < 20\text{MHz}$) - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng.	m	9125
21	Cáp quang multimode 4FO	- Cáp quang multimode 4 lõi tiêu chuẩn OM3 - Độ suy hao $< 3.0/1.0 \text{ dB/km}$ - Tiết diện lõi $50 \pm 10 \mu\text{m}$ - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng.	m	882
22	Máng cáp kim loại sơn tĩnh điện $100 \times 50 \times 1.2\text{mm}$	- Máng cáp sơn tĩnh điện kích thước $100 \times 50\text{mm}$ dày 1.2mm - Máng cáp bao gồm phụ kiện và nắp - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng.	m	262
23	Ổ đơn cắm mạng RJ45	- Ổ cắm mạng đơn RJ45 tiêu chuẩn Cat6 - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng.	Cái	147
24	Ổ đôi cắm mạng RJ45	- Ổ cắm mạng đôi RJ45 tiêu chuẩn Cat6 - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng.	Cái	38
25	Máng ghen luồn dây điện KT $60 \times 40\text{mm}$	- Máng ghen luồn dây điện nhựa có nắp KT $60 \times 40\text{mm}$ bảo vệ dây dẫn - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng.	m	422
26	Ống luồn dây PVC D20	- Ống luồn dây PVC D20 độ dày 1.36mm bảo vệ dây dẫn - Năm sản xuất từ năm 2022 trở về sau - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng.	m	2524

PHỤ LỤC 2
MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số /TB-BVSN ngày tháng năm 2023)

TÊN ĐƠN VỊ BÁO GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Sản – Nhi Bắc Giang

Tên công ty/đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số:

Được cấp bởi:

Căn cứ Thông báo mời báo giá của Bệnh viện Sản – Nhi Bắc Giang và khả năng cung cấp của công ty/đơn vị, chúng tôi xin gửi đến Bệnh viện bản báo giá thiết bị công nghệ thông tin theo danh mục yêu cầu của Bệnh viện như sau:

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật, năm sản xuất, thời gian bảo hành	Model, hãng sản xuất, xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Tủ rack 15U chiều sâu D600						
2	Tủ rack 10U chiều sâu D600						
3	UPS 6KVA						
4	Switch Acesss 24 cổng RJ45 + 2 cổng SFP						
5	Core switch Layer 3 12 cổng 1G/10G SFP+ 12 cổng 100/1G/10G RJ45						
6	Core switch Layer 3 24 cổng quang SFP+						
7	Thiết bị tường lửa (Firewall)						

	kết hợp định tuyến (Router)						
8	Module quang MM 1GB						
9	Module quang MM 10GB SFP+						
10	ODF Multimode 4 cổng, đầy đủ phụ kiện						
11	ODF Multimode 24 cổng, đầy đủ phụ kiện						
12	Patch Panel 24 cổng Cat 6						
13	Dây nhảy quang 3m, MM						
14	Dây nhảy Cat6 dài 2m						
15	Kios thông tin màn hình 43 inch						
16	Âm ly kèm bộ trộn 150W						
17	Loa hộp gắn tường 30W						
18	Màn hình tivi 55 inch						
19	Màn hình tivi 43 inch						
20	Cáp mạng UTP CAT6						
21	Cáp quang multimode 4FO						
22	Máng cáp kim loại sơn tĩnh điện 100x50x1.2mm						
23	Ổ đơn cắm mạng RJ45						
24	Ổ đôi cắm mạng RJ45						

25	Máng ghen luồn dây điện KT 60x40mm						
26	Ống luồn dây PVC D20						
Tổng cộng							

Ghi chú:

- Đơn giá đã bao gồm: thuế VAT, các loại thuế, phí khác (nếu có); Chi phí vận chuyển đến chân công trình; Chi phí lắp đặt, hoàn thiện và các chi phí khác có liên quan. Bên mua không phải trả thêm bất cứ chi phí nào khác.

- Báo giá có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.

- Đơn vị báo giá cam kết đáp ứng các điều kiện và năng lực tham gia đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

....., ngày tháng năm 2023
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BÁO GIÁ
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)